



Lenovo IdeaPad G40-80 Intel® Core™ i3 i3-4005U Laptop 35,6 cm (14") 4 GB DDR3L-SDRAM 500 GB HDD Windows 8.1 Màu đen

Nhãn hiệu : Lenovo

Họ sản phẩm: IdeaPad

Mã sản phẩm: 80KY0035LM

Tên mẫu : G40-80

Lenovo IdeaPad G40-80. Sản Phẩm: Laptop, Hệ số hình dạng: Loại gấp. Họ bộ xử lý: Intel® Core™ i3, Model vi xử lý: i3-4005U, Tốc độ bộ xử lý: 1,7 GHz. Kích thước màn hình: 35,6 cm (14"), Độ phân giải màn hình: 1366 x 768 pixels. Bộ nhớ trong: 4 GB, Loại bộ nhớ trong: DDR3L-SDRAM. Tổng dung lượng lưu trữ: 500 GB, Phương tiện lưu trữ: HDD, Loại ổ đĩa quang: DVD±RW. Model card đồ họa on-board: Intel® HD Graphics 4400. Hệ điều hành cài đặt sẵn: Windows 8.1. Màu sắc sản phẩm: Màu đen



Thiết kế		Tính năng đặc biệt của bộ xử lý	
Sản Phẩm *	Laptop	Intel® Wireless Display (Intel® WiDi)	✓
Màu sắc sản phẩm *	Màu đen	Công nghệ Intel® My WiFi (Intel® MWT)	✗
Hệ số hình dạng *	Loại gấp	Công nghệ Kết nối Thông minh của Intel	✓
Màn hình		Công nghệ Chống Trộm của Intel	✓
Kích thước màn hình *	35,6 cm (14")	Công nghệ Phản hồi Thông minh của Intel®	✗
Độ phân giải màn hình *	1366 x 768 pixels	Công nghệ Bảo vệ Danh tính Intel® (Intel® IPT)	✓
Màn hình cảm ứng *	✗	Công nghệ Siêu Phân luồng Intel® (Công nghệ Intel®)	✓
Đèn LED phía sau	✓	Công nghệ Intel® Turbo Boost	✗
Tỉ lệ khung hình thực	16:9	Lợi thế Doanh nghiệp Nhỏ của Intel (Intel® SBA)	✗
Bộ xử lý		Công nghệ Lưu trữ Ma trận Intel® (Intel® MST)	✗
Hãng sản xuất bộ xử lý *	Intel	Công nghệ âm thanh Intel® HD	✓
Họ bộ xử lý *	Intel® Core™ i3	Công nghệ Enhanced Intel® SpeedStep	✓
Thế hệ bộ xử lý	4th gen Intel® Core™ i3	Công nghệ Intel® Clear Video HD (Intel® CVT HD)	✓
Model vi xử lý *	i3-4005U	Công nghệ Intel® Clear Video	✗
Số lõi bộ xử lý	2	Công nghệ InTru™ 3D	✓
Các luồng của bộ xử lý	4	Intel® Insider™	✓
Tốc độ bộ xử lý *	1,7 GHz	Công nghệ Đồng bộ nhanh video của Intel®	✓
Tốc độ bus hệ thống	5 GT/s	Công nghệ Intel Flex Memory Access	✗
Bộ nhớ cache của bộ xử lý	3 MB	Intel® Smart Cache	✓
Dòng bộ nhớ cache CPU	Smart Cache	Hướng dẫn mới cho Intel® AES (Intel® AES-NI)	✓
Đầu cắm bộ xử lý	BGA 1168	Công nghệ Thực thi tin cậy Intel®	✗
Bộ xử lý quang khắc (lithography)	22 nm	Intel® Enhanced Halt State	✓
Các chế độ vận hành của bộ xử lý	64-bit	VT-x của Intel với công nghệ Bảng Trang Mở rộng (EPT)	✓
Dòng vi xử lý	Intel® Core™ i3-4000 Mobile Series	Intel® Demand Based Switching	✗
Tên mã bộ vi xử lý	Haswell	Khóa An toàn Intel	✓
Loại bus	DMI	Intel® TSX-NI	✗
Phát hiện lỗi FSB Parity	✗		
Công suất thoát nhiệt TDP	15 W		
Tjunction	100 °C		
Số lượng tối đa đường PCI Express	10		
Phiên bản PCI Express	2.0		
Cấu hình PCI Express	4x1, 1x4		
ECC được hỗ trợ bởi bộ vi xử lý	✗		
Bộ nhớ			
Bộ nhớ trong *	4 GB		
Loại bộ nhớ trong	DDR3L-SDRAM		

Bộ nhớ		Tính năng đặc biệt của bộ xử lý	
Tốc độ xung nhịp bộ nhớ	1600 MHz	Công nghệ Intel® Clear Video dành cho thiết bị di động kết nối internet được (Intel CVT cho MID)	✗
Hệ số bộ nhớ tiêu chuẩn	SO-DIMM	Kiến trúc Intel® 64	✓
Khe cắm bộ nhớ	2x SO-DIMM	Tính năng bảo mật Execute Disable Bit	✓
Bộ nhớ trong tối đa *	16 GB	Trạng thái Chờ	✓
Dung lượng		Công nghệ Theo dõi nhiệt	✓
Tổng dung lượng lưu trữ *	500 GB	Kích cỡ đóng gói của vi xử lý	40 x 24 x 1.5 mm
Phương tiện lưu trữ *	HDD	Hỗ trợ tài liệu hướng dẫn	AVX 2.0, SSE4.1, SSE4.2
Số lượng ổ cứng được cài đặt	1	Cấu hình bộ xử lý trung tâm (tối đa)	1
Dung lượng ổ đĩa cứng	500 GB	Các tùy chọn nhúng sẵn có	✗
Giao diện ổ cứng	SATA	Giao tiếp UART	✓
Tốc độ ổ cứng	5400 RPM	Intel® Virtualization Technology for Directed I/O (VT-d)	✗
Loại ổ đĩa quang *	DVD±RW	Phiên bản công nghệ Intel Smart Connect	1,00
Đầu đọc thẻ được tích hợp	✓	Phiên bản Công nghệ Intel Identity Protection	1,00
Thẻ nhớ tương thích	MMC, SD	Phiên bản Công nghệ Intel® Smart Response	0,00
Đồ họa		Phiên bản Công nghệ Intel Secure Key	1,00
Model card đồ họa rời *	Không có	Phiên bản Công nghệ Intel® Small Business Advantage (SBA)	0,00
Card đồ họa on-board *	✓	Phiên bản Intel ME Firmware	9.5
Card đồ họa rời *	✗	Phiên bản Intel® TSX-NI	0,00
Họ card đồ họa on-board	Intel® HD Graphics	Công nghệ Intel Virtualization (VT-x)	✓
Model card đồ họa on-board *	Intel® HD Graphics 4400	Công nghệ Intel® Dual Display Capable	✗
Tần số cơ bản card đồ họa on-board	200 MHz	Công nghệ Giao diện hiển thị linh hoạt (FDI) của Intel®	✗
Tần số động card đồ họa on-board (tối đa)	950 MHz	Công nghệ Lưu trữ Nhanh của Intel®	✓
Bộ nhớ tối đa của card đồ họa on-board	2 GB	Công nghệ Intel Fast Memory Access	✗
Phiên bản DirectX của card đồ họa on-board	12	ID ARK vi xử lý	75105
ID card đồ họa on-board	0xA16	Vi xử lý không xung đột	✓
Hỗ trợ bộ tiếp hợp đồ họa Open GL	✓	Pin	
Âm thanh		Công nghệ pin	Lithium-Ion (Li-Ion)
Hệ thống âm thanh	Dolby Advanced Audio v2	Số lượng cell pin	4
Số lượng loa gắn liền	2	Tuổi thọ pin (tối đa)	4 h
Công suất loa	1,5 W	Điện	
Micrô gắn kèm	✓	Giắc cắm đầu vào DC	✓
Máy ảnh		Bảo mật	
Camera trước	✓	Khe cắm khóa cáp	✓
hệ thống mạng		Mã pin bảo vệ	✓
Wi-Fi	✓	Bảo vệ bằng mặt khẩu	HDD, Khởi động, Supervisor
Chuẩn Wi-Fi	802.11a, Wi-Fi 5 (802.11ac), 802.11b, 802.11g, Wi-Fi 4 (802.11n)	Chứng nhận	
Kết nối mạng Ethernet / LAN	✓	Các loại giấy chứng nhận phù hợp	RoHS
Bluetooth	✓	Tính bền vững	
Phiên bản Bluetooth	4.0	Chứng chỉ bền vững	EPEAT Silver, NGÔI SAO NĂNG LƯỢNG
Cổng giao tiếp		Trọng lượng & Kích thước	
Số lượng cổng USB 2.0 *	2	Chiều rộng	349 mm
Số lượng cổng USB 3.2 Gen 1 (3.1 Gen 1) Type-A *	1	Độ dày	245 mm
Cổng Ethernet LAN (RJ-45)	1	Chiều cao	24,8 mm
Số lượng cổng HDMI *	1	Trọng lượng *	2,1 kg
Cổng DVI	✗		
Số lượng cổng VGA (D-Sub)	1		
Cổng ra S/PDIF	✗		
Giắc cắm micro	✗		
Cổng kết hợp tai nghe/mic	✓		
Bộ nối trạm	✗		
Khe cắm ExpressCard	✗		

Cổng giao tiếp		Nội dung đóng gói	
Loại khe cắm CardBus PCMCIA	✗	Kèm adapter AC *	✓
Khe cắm SmartCard	✗	Các đặc điểm khác	
Tổng số đầu nối SATA	2	Công nghệ Ảo hóa Intel® (Intel® VT)	VT-x
Số lượng cổng kết nối SATA III	2		
Bàn phím			
Thiết bị chỉ điểm	Chuột cảm ứng		
Bàn phím số *	✗		
Phần mềm			
Cấu trúc hệ điều hành	64-bit		
Hệ điều hành cài đặt sẵn *	Windows 8.1		

Catalog Object Cloud



Disclaimer. The information published here (the "Information") is based on sources that can be considered reliable, typically the manufacturer, but this Information is provided "AS IS" and without guarantee of correctness or completeness. The Information is only indicative and can be changed at any time without notification. No rights can be based on the Information. Suppliers or aggregators of this Information do not accept any liability with regard to the content of (web)pages and other documents, including its Information. The publisher of the Information can not be held liable for the content of 3rd party websites that are linking this Information or are linked to from this Information. You as the User of the Information are solely responsible for the choice and usage of this Information. You are not entitled to transfer, copy or otherwise multiply or distribute the Information. You are obliged to follow the directions of the copyright owner(s) with regard to the use of the Information. Exclusively Dutch law is applicable. With regard to price and stock data on the site, the publisher followed a number of starting points, which are not necessarily relevant for your private or business circumstances. Therefore, the price and stock data are only indicative and are subject to changes. You are personally responsible for the way you use and apply this information. As a user of the Information or sites or documents in which this Information is included, you will adhere to standard fair use including avoidance of spamming, ripping, intellectual-property violations, privacy violations, and any other illegal activity.